

Số: 254/2024/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**

ông **Phùng Anh Dũng**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp:
ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 35/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ vào điểm h khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “*Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa:

- **Người khởi kiện:** ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: số A Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Anh T; địa chỉ: số F, liên gia C, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện uỷ quyền: Ông Lê Đại T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B.

Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Hồng Q - Chức vụ: Thanh tra viên, Thanh tra quốc phòng - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ.

Địa chỉ: D M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B; địa chỉ: thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1985 và bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 2005;
Địa chỉ: số A Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Đơn kháng cáo ngày 04/5/2024, người khởi kiện ông Huỳnh Văn H kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm với lý do Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án là không đúng quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Ngày 26/7/1993, UBND tỉnh Đ giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ (Bộ C tỉnh) quản lý và sử dụng diện tích 501.047m² đất tại thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, mục đích sử dụng đất là Đất Quốc phòng. Sau khi được giao đất, Bộ C tỉnh giao diện tích đất trên cho cơ sở sản xuất C181/Phòng Hậu cần tổ chức tăng gia sản xuất cải thiện cuộc sống cho bộ đội đồng thời quản lý toàn bộ diện tích đất được giao.

Năm 1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 407/TTg ngày 13/6/1997, về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn Quân khu E, trong đó có cơ sở sản xuất C181 với diện tích là 441.390m².

Ngày 25/9/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204485, gồm các thửa đất số 69, 338, tờ bản đồ số 16 + 17 với diện tích 501.047m² cho Bộ C tỉnh quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy Quân sự tỉnh về việc liên kết trồng cà phê, mía trên diện tích đất quốc phòng tại cơ sở sản xuất C1. Năm 1995, Bộ C tỉnh đã giao cho Phòng Hậu cần tiến hành ký kết hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất quốc phòng tại cơ sở sản xuất C181 với 52 hộ dân, thời gian hợp đồng là 25 năm (từ năm 1995 đến năm 2020), trong đó có hợp đồng số 15/HĐ ngày 15/5/1995 giữa Phòng Hậu cần/Bộ CHQS tỉnh Đ với ông Hồ Sĩ Đ (trú tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với diện tích 13.000m² tại lô số 19. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, gia đình ông Hồ Sĩ Đ1 không canh tác nên đã chuyển nhượng Hợp đồng số 15/HĐ cho ông Trịnh Bảo T3 vào ngày 17/7/2008. Đến ngày 26/4/2010, ông T3 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn H. Đối với hợp đồng số 11/HĐ ngày 23/5/2000 giữa Phòng Hậu cần/Bộ CHQS tỉnh Đ với bà Phạm Thị K trú tại thôn G, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 17.525m² tại lô 31, thời hạn đến năm 2020 thì sau đó bà K chuyển nhượng diện tích đất nhận khoán cho ông H.

Ngày 25/01/2022, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường H, K, E và phường E để vận động các hộ dân nhận chuyển nhượng hợp đồng liên kết tiến hành thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn H không ký biên bản thanh lý, chấm dứt sử dụng đất liên kết để thanh lý Hợp đồng số 15/HĐ ngày 15/5/1995 và Hợp đồng số 11/HĐ ngày 23/5/2000, đồng thời không di dời toàn bộ tài sản trên đất, bàn giao đúng hiện trạng, diện tích trong hợp đồng cho Phòng Hậu cần Bộ CHQS tỉnh C trước ngày 31/3/2022.

Ngày 27/02/2022, Bộ C tỉnh ban hành Thông báo số 470/TB-BCH về việc thu hoạch sản lượng cây trồng và di dời vật chất, tài sản trên đất đã ký thanh lý

trả lại mặt bằng cho Bộ C tỉnh trước ngày 31/3/2022. Tuy nhiên 10 hộ dân (trong đó có ông Huỳnh Văn H) không chấp hành, không hợp tác, không chịu thanh lý hợp đồng và yêu cầu các cơ quan cấp trên phải giải quyết việc đền bù thỏa đáng cho người dân xong mới tiến hành thu hồi đất.

Ngày 02/01/2024, ông Huỳnh Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố B trong việc không ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ diện tích 30.857m² đất hợp đồng liên kết cho gia đình Ông là trái pháp luật và buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ diện tích với 30.857m² đất hợp đồng liên kết trồng cà phê (mía) đối với gia đình ông Huỳnh Văn H theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 1742/UBND-TTPTQĐ ngày 11/4/2024, Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày nội dung: “...*Nguồn gốc đất tại khu vực Đại đội c181 xã H, thành phố B, UBND tỉnh Đ giao cho Bộ CHQS tỉnh C thừa đất số 338, 69; tờ bản đồ số 16, 17 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204485, ngày 25/9/2008 với mục đích sử dụng là Đất Quốc phòng.*

Bộ C tỉnh giao cho Phòng Hậu cần ký kết hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất quốc phòng c181 với 52 hộ dân/52 hợp đồng, thời gian hợp đồng 25 năm (từ năm 1995 đến năm 2020). Trong đó có hộ bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Ngô Thị Hồng L1, ông Huỳnh Văn H.

Hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất Quốc phòng c181 với 52 hộ dân đã hết thời hạn. Đất thuộc quyền quản lý của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ, UBND thành phố B không thực hiện việc thu hồi đất và không lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất Quốc phòng c181, nên UBND thành phố B không có hành vi hành chính làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các hộ dân nói trên”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B không thực hiện thu hồi đất của hộ gia đình ông Huỳnh Văn H nên không thể ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất ông H cho rằng gia đình mình bị thu hồi. Do đó, ông H không có quyền khởi kiện vụ án đối với UBND thành phố B, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính đình chỉ việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 35/2024/QĐST-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012854 ngày 06/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Huỳnh Văn H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên